

Vocabulary Topic | Unit 2

Task 1: Write English words according to their meanings.

háo hức (adj)		làm đổ (v)	
lo lắng (adj)		sở hữu (v)	
khao khát (v)		nhịp độ (n)	
nâng lên (v)		sự chuyển động (n)	
nhận xét, nhận thấy (v)		sự dự định (n)	
tìm kiếm (v)		hộ gia đình (n)	
tỏa ra ánh sáng (v)		một cách nhanh chóng (adv)	

Task 2: Circle the word that fits the definition.

- a movement**
a. pace b. intent c. lungs d. motion
- to look for**
a. seek b. possess c. shine d. desire
- to pick up**
a. eager b. lift c. remark d. spill
- very fast**
a. landscape b. household c. rapidly d. awful
- feeling worried**
a. consisting of b. load c. polite d. anxious

Task 3: Circle the right definition for the given word

- possess**
a. to look for b. to own c. to pick up d. to put in
- desire**
a. to want b. to make up of c. to have d. to say
- intent**
a. an area of land b. a part c. a plan d. a feeling
- shine**
a. to learn b. to make light
c. to make something fall out d. to move fast
- polite**
a. thoughtful b. worried c. fast d. excited